

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/LĐ-PT

Ngày: 06.01.2026

V/v: “Tranh chấp “xử lý kỷ luật
lao động và bồi thường thiệt hại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Giang

Ông Võ Bảo Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Bùi Kim Trọng
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 10/2025/TLPT-LĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động và bồi thường thiệt hại”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 05/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 878/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số G, đường B, KDC I, phường T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Lê Kim B**
– Trung tâm Tư vấn pháp luật - Hội Luật gia thành phố C. Địa chỉ: Số I, đường P, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: **Ngân hàng N**.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp cho bị đơn:

1. Trần Trường G

2. Ông Lưu Hoàng V

3. Bà Đinh Thị Phương M

Địa chỉ: Số A, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ (Tất cả có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Phạm Thị Trúc P** – Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. Địa chỉ: Số B, đường số D, KDC H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Phan Văn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Ngày 01/02/1998, ông có ký kết Hợp đồng lao động với Ngân hàng N, chi nhánh thành phố C (*gọi tắt A*), loại hợp đồng: Không xác định thời hạn. Từ năm 2020, ông được luân chuyển công tác về làm việc tại Phòng G1 thuộc A chi nhánh thành phố C (*gọi tắt Phòng G1*), tại địa chỉ số A, Đại lộ H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ) với chức danh Giám đốc từ ngày 01/8/2020. Đến 01/8/2023, ông được bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Phòng Giao dịch số 02 đến hết nhiệm kỳ vào ngày 01/8/2028.

Trong suốt 27 năm công tác và làm việc ở các đơn vị thuộc A, ông luôn là người lao động tích cực hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà cấp trên giao phó. Đồng thời, ông là một Đảng viên có lập trường chính trị vững vàng với hơn 30 năm tuổi Đảng, quá trình tham gia Cách Mạng hơn 36 năm, gia đình truyền thống cách mạng (anh ruột là liệt sĩ Phan Văn L). Trước đây, ông từng đảm nhiệm qua các chức vụ: Phó Giám đốc A chi nhánh huyện L, tỉnh Hậu Giang; Phó Giám đốc A chi nhánh quận B, thành phố Cần Thơ; Phó Phòng A chi nhánh C (đây là những tình tiết giảm nhẹ đáng kể khi có sai phạm).

Ngày 21/10/2024, ông nhận được Quyết định số 686/QĐ-NHNo.CT-TH ngày 18/10/2024 từ A (*gọi tắt là QĐ 686*) với nội dung miễn nhiệm chức danh Giám đốc Phòng Giao dịch số 02 của ông mặc dù chưa hết nhiệm kỳ. Sau đó, ông nhận được Thông báo số 707/TB-NHNo.CT-TH ngày 22/10/2024 của A về việc điều động ông làm việc tại Phòng G1 (vị trí nhân viên). Tiếp đến ngày 31/10/2024, A chi nhánh thành phố C ban hành Quyết định số 745/QĐ-NHNo.CT-TH ngày 31/10/2024 về điều động ông từ nhân viên Phòng Giao dịch số 02 làm nhân viên tại Phòng Giao dịch số 03. Trước khi nhận được các quyết định này, ông không nhận bất kỳ thông tin hay được trao đổi nào từ phía lãnh đạo A liên quan đến quá trình làm việc và đảm nhận chức danh của ông tại Phòng Giao dịch số 02, vì ông luôn có trách nhiệm với công việc và luôn cố gắng đạt được kết quả kinh doanh tốt cho đơn vị. Do đó, 03 quyết định trên của A được ban hành khi chưa xem xét một cách khách quan, toàn diện cả quá trình tham gia cách mạng, cống hiến của bản thân ông, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Đồng thời, khi tiến hành xử lý và áp dụng hình thức xử lý kỷ luật chuyên môn, kỷ luật về đảng đối với ông, A không tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục cũng như nguyên tắc xử lý kỷ luật lao động được quy định trong Nội quy lao động số:

429/NQLĐ-HĐTV-TCNS ngày 25/7/2022 của Chủ tịch Hội đồng thành viên A và Bộ luật Lao động (bỏ qua hết các tình tiết giảm nhẹ từ quá trình công hiến cũng như bản thân ông trực tiếp, chỉ đạo khắc phục rất tốt các sai phạm, thiếu sót... và cam kết sẽ không gây mất vốn của A). Ngoài ra, ông không được trao đổi trực tiếp, rõ ràng với bộ phận tham mưu của A về việc miễn nhiệm chức danh Giám đốc Phòng giao dịch số 02 một cách cụ thể nhất là trái với nguyên tắc quản lý lao động dân chủ, công khai, minh bạch theo Quy chế quản lý Lao động, Quy chế người giữ chức danh chức vụ của A.

Hơn nữa, việc A đã tiến hành kỷ luật chuyên môn kéo dài thời gian nâng lương không quá 6 tháng đối với ông theo Nội Quy lao động số 429 và Bộ luật Lao động nhưng tiếp tục vận dụng Quy chế số 388 theo Điều lệ A để quyết định miễn nhiệm ông là xử lý kỷ luật kép (một hành vi vi phạm xử lý kỷ luật hai lần), vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 122 Bộ luật Lao động năm 2019 *“Không được áp dụng nhiều hình thức xử lý kỷ luật lao động đối với một hành vi vi phạm kỷ luật lao động”*. Đồng thời, A không đưa ra tài liệu, chứng cứ làm rõ về lý do ông bị miễn nhiệm theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 34 Quy chế số 388/QC-HĐTV- UBNS ngày 15/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng thành viên A. Do đó, việc miễn nhiệm người lao động đang giữ chức vụ của A là hoàn toàn trái với quy định và thủ tục xem xét miễn nhiệm người lao động tại Điều 33 và Điều 34 của Quy chế số 388.

Bên cạnh đó, quy trình lấy phiếu tín nhiệm đột xuất ngày 17/9/2024 tại Phòng giao dịch số 02 không được thực hiện dựa trên sự dân chủ, minh bạch, khách quan và trái với quy định của Quy chế 388. Theo đó, kết quả bỏ phiếu tín nhiệm không được thực hiện kiểm phiếu công khai và lập biên bản, lưu giữ phiếu kiểm và niêm phong ngay sau khi tổ chức hội nghị lấy phiếu tín nhiệm tại Phòng Giao dịch số 02 theo Điều 8 Quy chế số 388 mà được thực hiện tại A. Ngoài ra, việc xem xét, đánh giá người lao động có đủ điều kiện để tiếp tục giữ chức danh, chức vụ không chỉ xem xét dựa trên phiếu tín nhiệm đột xuất, mà còn căn cứ vào kết quả đánh giá hàng năm theo Điều 35 Quy chế số 919/QC-HĐTV-TCTL ngày 31/12/2021 về quản lý lao động của Chủ tịch Hội đồng thành viên A. Theo đó, từ khi ông đảm nhận chức danh Giám đốc Phòng G1 đều đạt kết quả kinh doanh tốt, luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà A giao hàng năm cũng như kết quả lấy phiếu tín nhiệm để xếp loại lao động hàng năm ông đều đạt tỷ lệ rất cao (trên 87,5% cho bốn năm qua), được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm. Vì vậy, ông chắc chắn rằng bản thân đủ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức và kỹ năng quản lý tốt để đảm nhận chức danh Giám đốc Phòng G1.

Ngày 01/11/2024, ông nhận được Thông báo số 1078/NHNo.CT-KTGSNB của A về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại mà ông gửi trực tiếp ngày 28/10/2024 (đơn ghi ngày 22/10/2024). Đến ngày 07/12/2024, ông nhận được Công văn số 1198/NHNo.CT-KTGSNB đề ngày 05/12/2024 của ông Nguyễn Thanh T1, Phó Giám đốc phụ trách điều hành A về việc trả lời đơn có nội dung cho rằng quyết

định miễn nhiệm đối với ông là đúng quy định. Tuy nhiên, việc ông Nguyễn Thanh T1 không mời ông để đối thoại, đối chất, chứng minh về quy trình quy định kèm theo những tài liệu, chứng cứ để chứng minh tính khách quan, dân chủ, minh bạch đủ cơ sở, căn cứ miễn nhiệm ông. Vì vậy, ông tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai đến A theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2024, ông nhận được Công văn số 19604/NHNo-KTGS đề ngày 24/12/2024 về việc thông báo xử lý đơn do Phó Trưởng Ban kiểm tra, giám sát nội bộ A ký với nội dung cho rằng đơn khiếu nại của ông có nội dung tương tự khiếu nại lần đầu đã được A chi nhánh thành phố C trả lời theo Công văn số 1198 nên A sẽ không xem xét giải quyết.

Ngày 24/01/2025, ông gửi đơn yêu cầu Hòa giải viên lao động hòa giải theo quy định của Bộ luật Lao động tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận N, thành phố Cần Thơ, kết quả hòa giải ngày 14/02/2025 không thành. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như sau:

- + Hủy Quyết định số 686 về việc miễn nhiệm đối với ông.
- + Yêu cầu khôi phục chức danh Giám đốc Phòng giao dịch số 02 cho ông.
- + Yêu cầu A bồi thường số tiền 300.000.000 đồng vì gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho ông.

* Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, bị đơn A có ý kiến như sau: Khoảng cuối năm 2023 đến đầu năm 2024, A liên tục nhận được nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với hành vi vi phạm của ông Phan Văn T. Quá trình kiểm tra, xác minh đơn thư tố cáo, A ban hành văn bản số 693/NHNo.CT-KTGS ngày 04/7/2024 về việc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chỉnh sửa, khắc phục các tồn tại, sai phạm sau kiểm tra và A trụ sở chính có văn bản số: 10237/NHNo-KTGS ngày 30/7/2024 về việc chấn chỉnh sau kiểm tra xác minh đơn. Theo đó, A đã xem xét trách nhiệm và xử lý kỷ luật đối với ông T. Cụ thể:

+ Quyết định số: 583/QĐ-NHNo.CT-TH ngày 18/09/2024 của Phó Giám đốc phụ trách điều hành A thi hành kỷ luật bằng hình thức: Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng.

+ Đối với Đảng viên: Quyết định số 06-QĐ/CB4 ngày 10/10/2024 của Bí thư Chi bộ 4 thuộc Đảng bộ A thi hành kỷ luật ông Phan Văn T bằng hình thức: Cảnh cáo.

Do ông T có nhiều vi phạm trong quá trình công tác tại Phòng G1 dẫn đến bị xử lý kỷ luật với hình thức kéo dài thời hạn nâng lương và cảnh cáo (đối với Đảng viên) nên theo quy định tại Điều 33 Quy chế số: 388/QC-HĐTV-UBNS ngày 15/5/2024 của A sẽ bị xem xét miễn nhiệm chức vụ. Về trình tự, thủ tục xem xét miễn nhiệm đối với ông T được A thực hiện theo đúng quy định của Quy chế 388.

- Đối với yêu cầu khôi phục chức danh Giám đốc Phòng giao dịch số 02 và yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000 đồng, A không đồng ý bởi việc A ban hành

quyết định miễn nhiệm ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định nên việc ông T yêu cầu khôi phục chức danh và bồi thường thiệt hại là không có cơ sở chấp nhận.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 05/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ đã xét xử và quyết định như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T về việc hủy Quyết định số 686/QĐ-NHNo.CT-TH ngày 18/10/2024 của Ngân hàng N, chi nhánh thành phố C; Yêu cầu khôi phục chức danh Giám đốc Phòng G1 thuộc Ngân hàng N, chi nhánh thành phố C và bồi thường thiệt hại số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

2. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 18/8/2025, nguyên đơn ông T kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện nhưng không được bị đơn đồng ý và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

- Bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến tranh luận: ông T cũng có phần lỗi trong việc điều hành đơn vị là có đơn thư tố cáo nhưng qua xác minh thì tố cáo không có căn cứ, biên bản lấy phiếu tín nhiệm không khách quan, chưa xác định được thiệt hại trong việc phê duyệt cấp tín dụng, đã xử lý cảnh cáo rồi mà vẫn miễn nhiệm là không đúng, ông T công tác nhiều năm trong ngành nên bị đơn xem xét lại, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vì quá trình làm việc nguyên đơn có những sai phạm đã được quy định trong nội quy lao động thuộc trường hợp phải miễn nhiệm chức vụ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: ông T có sai phạm trong việc điều hành đơn vị và đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo nên bị đơn ban hành quyết định miễn nhiệm chức vụ là đúng, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt đương sự: việc vắng mặt đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng có người đại diện theo ủy quyền nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu hủy quyết định miễn nhiệm chức vụ của A đối với ông và yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc miễn nhiệm là sai làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp về quyết định kỷ luật lao động và bồi thường thiệt hại như cấp sơ thẩm xác định là đúng.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện và thủ tục hòa giải trước khi Tòa án thụ lý: Ông T khởi kiện yêu cầu hủy quyết định kỷ luật lao động ngày 18/10/2024, thuộc trường hợp phải qua hòa giải của Hòa giải viên lao động trước khi khởi kiện tại Tòa án, ngày 24/01/2025, ông gửi đơn yêu cầu Hòa giải viên lao động hòa giải theo quy định của Bộ luật Lao động tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận N, thành phố Cần Thơ (cũ), kết quả hòa giải ngày 14/02/2025 không thành, ngày 25/3/2025 ông T khởi kiện tại Tòa án là đúng theo quy định khoản 1 Điều 188, 190 Bộ luật Lao động năm 2019.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông T:

[2.1] Về yêu cầu hủy Quyết định miễn nhiệm chức vụ: Qua tranh tụng tại phiên tòa, kết hợp với các chứng cứ trong hồ sơ, có cơ sở xác định: giữa nguyên đơn ông T và bị đơn A đã thỏa thuận và đi đến xác lập hợp đồng lao động ngày 01/02/1998, loại hợp đồng không xác định thời hạn nên có cơ sở xác định giữa hai bên có phát sinh quan hệ lao động với nhau.

[2.1.1] Xét về thẩm quyền và trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động:

[2.1.1.1] Về thẩm quyền: Tại thời điểm ban hành Quyết định số 686 A khuyết vị trí Giám đốc nên Phó Giám đốc điều hành ký ban hành quyết định là phù hợp với khoản 2 Điều 42 Quy chế Quản lý lao động số 919/QC-HĐTV-TCTL ngày 31/12/2021 của Hội đồng thành viên A.

[2.1.1.2] Về trình tự, thủ tục miễn nhiệm: trên cơ sở kết quả Hội đồng xử lý kỷ luật A có kèm theo Biên bản họp xét kỷ luật ngày 16/9/2024; Quyết định số 06-QĐ/CB4 ngày 10/10/2024 về thi hành kỷ luật đồng chí Phan Văn T; Kết quả kiểm phiếu tín nhiệm ngày 17/9/2024, Phòng Tổng hợp A có Tờ trình số: 659/TTr-NHNo.CT-TH ngày 14/10/2024 về việc đề xuất miễn nhiệm cán bộ. Cùng ngày 14/10/2024, A tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo tiến hành bỏ phiếu kín về việc miễn nhiệm chức vụ đối với ông Phan Văn T. Kết quả số phiếu đồng ý miễn nhiệm là 9/9, tương ứng tỷ lệ 100% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo tán thành. Ngày 17/10/2024, Phòng A có Tờ trình số: 685/TTr-NHNo.CT-TH gửi Đảng ủy và Giám đốc A xem xét miễn nhiệm chức vụ đối với ông Phan Văn T và ông Dương Minh T2. Ngày 18/10/2024, Phó Giám đốc điều hành A ban hành Quyết định số: 686 về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Phòng G1 thuộc A đối với ông Phan Văn T. Qua đó cho thấy, hồ sơ và trình tự xem xét miễn nhiệm đối với ông T là phù hợp

với khoản 2 Điều 34 Quy chế Quản lý lao động số 388/QC-HĐTV-UBNS ngày 15/5/2024 của Hội đồng thành viên A.

[2.1.2] Về căn cứ miễn nhiệm: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Quy chế Quản lý lao động số 388/QC-HĐTV-UBNS ngày 15/5/2024 của Hội đồng thành viên A quy định cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm đối với nhân sự thuộc một trong các trường hợp: *“Bị kỷ luật cách cáo (đối với đảng viên) hoặc khiển trách hoặc kéo dài thời hạn nâng lương nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao”*. Đối chiếu với quy định này thì ông Phan Văn T bị thi hành kỷ luật đảng viên đối với hình thức cảnh cáo theo Quyết định số: 06-QĐ/CB4 ngày 10/10/2024 của Chi bộ 4 thuộc Đảng ủy A. Ngoài ra, ông T còn bị kỷ luật bằng hình thức kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng theo Quyết định số 583/QĐ-NHNo.CT-TH ngày 18/9/2024 của A. Đồng thời, tại phiên họp lấy phiếu tín nhiệm ngày 17/9/2024 ông T chỉ đạt 3/8 phiếu tín nhiệm, số phiếu không tín nhiệm là 5/8 phiếu tương ứng tỷ lệ 62,5%. Do đó, việc A ban hành quyết định miễn nhiệm chức vụ đối với ông Phan Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy chế của A.

[2.1.3] Ông T cho rằng việc A vừa ban hành quyết định kỷ luật kéo dài thời gian nâng lương không quá 6 tháng vừa ban hành quyết định miễn nhiệm chức vụ là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 122 Bộ luật Lao động năm 2019. Xét trình bày của ông T là chưa đúng theo quy định tại khoản 22 Điều 3 Quy chế Quản lý lao động số 388/QC-HĐTV-UBNS ngày 15/5/2024 của Hội đồng thành viên A đã giải thích: *“Miễn nhiệm là việc cấp có thẩm quyền quyết định cho nhân sự thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm do không đáp ứng được yêu cầu công việc, uy tín giảm sút, có vi phạm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật cách chức”*. Như vậy, miễn nhiệm chức vụ là liên quan đến vấn đề về tổ chức hành chính nhân sự khi cho rằng người giữ chức danh quản lý không còn đủ năng lực, uy tín để thực hiện công việc. Do đó, miễn nhiệm chức vụ không thuộc 04 trường hợp xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Lao động năm 2019 nên việc ông T cho rằng bị áp dụng nhiều hình thức xử lý kỷ luật lao động đối với một hành vi vi phạm kỷ luật lao động là không đúng.

[2.1.4] Ông T còn cho rằng phiên họp lấy phiếu tín nhiệm ngày 17/9/2024 không khách quan, dân chủ, có sự đánh tráo, thay đổi trang 1, 2 của biên bản làm việc từ ngày 18/9/2024 thành ngày 17/9/2024, với ý kiến này thấy rằng, biên bản làm việc ngày 17/9/2024 không phải là cơ sở để ban hành Quyết định miễn nhiệm chức vụ đối với ông T mà căn cứ vào quy chế quản lý lao động như đã phân tích trên. Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 04/8/2025 của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bà Võ Lý Thúy H, nhân viên Phòng Giao dịch số 02 là người tham gia bỏ phiếu, ký tên vào biên bản niêm phong phiếu tín nhiệm và chứng kiến toàn bộ quá trình mở niêm phong, kiểm tra kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với ông Phan Văn T, bà Dư Thị Mỹ H1 và ông Dương Minh T2 xác định toàn bộ quá trình là khách

quan, dân chủ. Đồng thời, toàn bộ quá trình niêm phong phiếu tín nhiệm ông T đều chứng kiến và ký tên vào bao thư niêm phong. Tại Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm ngày 17/9/2024 thể hiện có sự chứng kiến của bà Võ Lý Thúy H (đại diện Phòng G1), kết quả kiểm phiếu ông Phan Văn T là 3/8 phiếu tín nhiệm; Bà Dư Thị Mỹ H1 là 7/8 phiếu tín nhiệm; Ông Dương Minh T2 là 1/8 phiếu tín nhiệm. Sau khi kiểm phiếu thì toàn bộ bao thư niêm phong và 08 phiếu tín nhiệm được niêm phong vào 01 bao thư khác có chữ ký của bà Võ Lý Thúy H, ông Lưu Hoàng V, ông Nguyễn Thanh T1. Đặc biệt, toàn bộ bao thư và 08 phiếu tín nhiệm do A cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm vẫn còn niêm phong được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm mở trực tiếp tại phiên tòa, cho thấy kết quả bỏ phiếu tín nhiệm là phù hợp. Do đó, kháng cáo của ông T yêu cầu hủy Quyết định số 686 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu khôi phục chức danh Giám đốc Phòng giao dịch số 02 và buộc A bồi thường số tiền 500.000.000 đồng (trong đó, thiệt hại về vật chất là 200.000.000 đồng và thiệt hại về tinh thần là 300.000.000 đồng). Do yêu cầu hủy quyết định miễn nhiệm chức vụ của ông T không được chấp nhận nên yêu cầu khôi phục chức danh Giám đốc Phòng giao dịch số 02 Cần Thơ và yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 500.000.000 đồng cũng không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, đúng quy định. Lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn ông T là không có căn cứ chấp nhận. Lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi cho A là có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng nên giữ nguyên.

[4] Về án phí:

[5.1] Sơ thẩm: ông T được miễn.

[5.2] Phúc thẩm: ông T thuộc trường hợp được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn T.
- Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ.
- Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông T được miễn, không có thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND khu vực 1 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh